

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

Binh Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2022

HỢP ĐỒNG THI CÔNG

Số: 26/3/HĐXD/2022

V/v: Thi công Công trình

Công trình : Nhà ở gia đình anh **TĂNG THÀNH DANH**

Địa điểm : 236 Nguyễn đức thuận , khu 5 , p. Hiệp thành , Tp TDM, T.
Binh Dương

I/ CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình;

Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên

Hôm nay, ngày 26 tháng 3 năm 2022 tại Văn phòng **CÔNG TY TNHH TM-DV XÂY DỰNG ĐỨC LONG HẢI** chúng tôi gồm có :

BÊN A (BÊN GIAO KHOÁN)

Ông : TĂNG THÀNH DANH

Địa chỉ : 236 Nguyễn đức thuận , khu 5 , p. Hiệp thành , Tp TDM, T.
Binh Dương

Số cmnd , cccd : 285020444

Điện thoại :

Mã số thuế :

BÊN B (BÊN NHẬN KHOÁN)

CÔNG TY TNHH TM-DV XÂY DỰNG ĐỨC LONG HẢI

- Địa chỉ : : Số 12, Đường số 15, Khu 7, Tổ 105, KDC Hiệp Thành 3, Phường Hiệp Thành, TP.Thủ Dầu Một, T.Binh Dương

- Đại diện : Ông **VI ĐỨC HẢI**
Điện thoại : 0933.66.28.55 – 0949.76.4444

Chức vụ: **Giám đốc**

- Tài khoản : 65310000435586 NH TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, CN Thủ Dầu Một, Binh Dương
Mã số thuế : 3702 699 112

Hai Bên cùng thống nhất ký hợp đồng khoán thi công : nhà ở gia đình 236 Nguyễn đức thuận , khu 5 , p. Hiệp thành , Tp TDM, T. Bình Dương

Cụ thể như sau:

Điều 1. Hồ sơ hợp đồng gồm:

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, các điều khoản và điều kiện của hợp đồng này và các tài liệu sau:

- a) Hồ sơ thiết kế;
- b) Các tài liệu khác có liên quan...

Điều 2. Nội dung và khối lượng công việc

Bên B thực hiện việc thi công công trình Nhà ở gia đình anh TĂNG THÀNH DAN địa chỉ tại : 236 Nguyễn đức thuận , khu 5 , p. Hiệp thành , Tp TDM, T. Bình Dương theo bản vẽ thiết kế được Chủ đầu tư chấp thuận (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật đính kèm (nếu có), đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

Điều 3. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

3.1. Ngày khởi công, thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thi công công trình: 180 ngày kể từ ngày bên B nhận bàn giao mặt bằng từ Bên A.

3.2. Gia hạn Thời gian hoàn thành

Đơn vị thi công được phép gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

- a) Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.
- b) Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hoả hoạn, dịch hoả hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;
- c) Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng mà không do lỗi của Đơn vị thi công gây ra.

Điều 4. Giá hợp đồng và thanh toán

4.1. Giá Hợp đồng

Tổng giá trị hợp đồng là: 4.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng chẵn.

Giá Hợp đồng trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, toàn bộ chi phí nhân công và vật tư để thực hiện việc thi công sửa chữa hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế được phê duyệt.

4.2. Thanh toán:

Đợt 1 : Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 30% giá trị hợp đồng sau khi hợp đồng được ký kết.

* Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán;
- Hóa đơn giá trị gia tăng. ;(nếu có)
-

Đợt 2 : Bên A sẽ thanh toán cho Bên B tiếp tục 40% giá trị hợp đồng sau khi bên B hoàn hành việc thi công đến hết phần tô cho công trình.

* Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán;
- Hóa đơn giá trị gia tăng;(nếu có)
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.

Đợt 3 : Bên A sẽ thanh toán cho Bên B tiếp tục 50% giá trị hợp đồng sau khi bên B hoàn hành việc thi công của công trình.

* Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán;
- Hóa đơn giá trị gia tăng;(nếu có)
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao;
- Biên bản thanh lý hợp đồng

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ Bên giao khoán

a) Bàn giao toàn bộ mặt bằng xây dựng cho Đơn vị thi công quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thoả thuận của Hợp đồng;

b) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, theo thoả thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ Bên nhận khoán

8.1. Quyền của Đơn vị nhận khoán

- a) Được quyền đề xuất với Bên giao khoán về khối lượng phát sinh ngoài Hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi Hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật;

- b) Được thay đổi các biện pháp thi công nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá Hợp đồng đã ký kết;

8.2. Nghĩa vụ của Đơn vị nhận khoán

- Đơn vị thi công phải cung cấp nhân lực, máy móc, thiết bị thi công và các điều kiện vật chất liên quan khác đủ số lượng và năng lực để thực hiện các công việc theo nội dung Hợp đồng đã ký kết;

- Đơn vị thi công phải thi công xây dựng công trình đúng tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;

Điều 7. Rủi ro và Bất khả kháng

7.1. Rủi ro và bất khả kháng

a) Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng.

b) Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra và không thể lường trước khi ký kết Hợp đồng như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh.

c) Khi một bên bị rơi vào tình trạng bất khả kháng, thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất có thể.

7.2. Hậu quả của các rủi ro

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong khoản 5.1 của Hợp đồng này dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho công trình, bất động sản, vật tư thiết bị hay các tài liệu của Đơn vị thi công, thì Đơn vị thi công phải ngay lập tức gửi thông báo cho Chủ đầu tư và sửa chữa sự mất mát và hư hỏng trong phạm vi Chủ đầu tư yêu cầu.

7.3. Trách nhiệm của Đơn vị thi công đối với rủi ro

Đơn vị thi công sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo đảm công trình và hàng hoá từ ngày khởi công cho đến ngày phát hành biên bản nghiệm thu.

7.4. Chấm dứt Hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

Nếu việc thực hiện công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian 30 ngày do bất khả kháng, hoặc trong nhiều khoảng thời gian mà tổng số là trên 60 ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực 10 ngày sau khi có thông báo.

Điều 8. Phạt vi phạm hợp đồng đối với Đơn vị thi công

Đơn vị thi công vi phạm về chất lượng thì chịu phạt 3% giá trị bị vi phạm về chất lượng.

Nếu Đơn vị thi công chậm tiến độ được xác định là do lỗi chủ quan của Đơn vị thi công thì chịu phạt 0,05% giá trị hợp đồng cho 01 ngày chậm tiến độ. Thời gian chậm trễ không quá 10 ngày.

Tổng số tiền phạt cho hợp đồng không vượt quá 10% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Điều 9. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

9.1. Xử lý các tranh chấp

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Toà án Nhân dân nơi bên B có trụ sở chính giải quyết theo quy định của pháp luật. Quyết định của Toà án Nhân dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

9.2. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 10. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

10.1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 10 ngày sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của Hợp đồng, sẽ quyết toán Hợp đồng với các tài liệu đính kèm..

10.2. Thanh lý Hợp đồng

Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký;

Điều 11. Hiệu lực của Hợp đồng

11.1. Thời điểm có hiệu lực của Hợp đồng:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

11.2. Tính pháp lý của Hợp đồng xây dựng:

a) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;

b) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài Hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Điều khoản chung

12.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong Hợp đồng này;

12.2. Hợp đồng này bao gồm 8 trang, và hợp đồng này được lập thành 2 bản bằng tiếng Việt, bên A sẽ giữ 01 bản tiếng Việt, bên B sẽ giữ 01 bản tiếng Việt.

ĐẠI DIỆN BÊN B



Vì Đức Hải

ĐẠI DIỆN BÊN A

Danh

Tổng Trưởng Danh